

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Thạc sĩ PHẠM VĂN DƯỢC

Hệ thống kế toán mới ban hành và áp dụng chính thức năm 1996, theo đó các phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh cũng như hoạt động tài chính doanh nghiệp cần thiết phải thay đổi để thích ứng với sự thay đổi của hệ thống kế toán mới vì đó là cơ sở nhận thức quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh ở doanh nghiệp.

Qua quá trình nghiên cứu trong lĩnh vực này, tôi xin trình bày nhằm trao đổi một số ý kiến về phương pháp phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp. Trước hết chúng ta hãy xem xét khái quát lý luận chung của phân tích hoạt động tài chính.

1. Lý luận chung của phân tích hoạt động tài chính

1.1. Ý nghĩa của phân tích hoạt động tài chính

- Hoạt động tài chính (HĐTC) có mối quan hệ trực tiếp và qua lại với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh (HĐSXKD) đều có ảnh hưởng trực tiếp đến HĐTC của doanh nghiệp; và ngược lại tình hình tài chính ở doanh nghiệp tốt hay xấu đều có tác dụng thúc đẩy hoặc kìm hãm HĐSXKD. Như vậy, thông qua việc đánh giá HĐTC ta có thể thấy được tình hình HĐSXKD và ngược lại.

- Phân tích HĐTC là quá trình nhận thức nhằm đánh giá những gì đã làm được, dự kiến những gì sẽ xảy ra, trên cơ sở đó đề xuất biện pháp nhằm khai thác các mặt mạnh và khắc phục các mặt còn yếu kém. Phân tích HĐTC còn là biện pháp để phòng ngừa rủi ro về mặt tài chính. Tóm lại, cần phải làm cho con số biết nói (có ý nghĩa) để qua chúng có thể hiểu rõ hơn thực trạng, khả năng và các phương pháp quản lý tài chính ở doanh nghiệp.

- Tài liệu thông qua phân tích HĐTC không chỉ cần thiết cho các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn cần thiết cả cho các đối tượng bên ngoài khác, mà quyền lợi có quan hệ với doanh nghiệp. Vì, thông qua phân tích họ mới có thể có quyết định đúng đắn trong việc hợp tác, đầu tư, cho vay... với doanh nghiệp nữa hay không.

- Do ý nghĩa và tầm quan trọng của phân tích HĐTC như vậy nên phân tích HĐTC doanh nghiệp cần hướng đến 3 mục tiêu sau:

+ Phải giải quyết tốt các mối quan hệ kinh tế, biểu hiện thông qua quan hệ thanh toán với các đối tượng liên quan. Mối quan hệ được phản ánh qua các chỉ tiêu kinh tế phải được lượng hóa nhằm đánh giá về mặt lượng, chất và thời gian thanh toán.

+ HĐTC phải bảo đảm nguyên tắc hiệu quả nghĩa là tối thiểu hóa chi phí hoạt động và tối đa hóa lợi nhuận.

+ HĐTC được tiến hành trên cơ sở tôn trọng pháp luật, các quy định và các thể lệ về tài chính nói chung.

1.2. Phương pháp và tài liệu chủ yếu sử dụng để phân tích HĐTC

Phương pháp thường được sử dụng nhiều nhất là phương pháp so sánh ngoài ra các phương pháp như phương pháp xác suất thống kê, phương pháp toán kinh tế... cũng được sử dụng. Ở đây tôi chỉ đề cập đến lý luận của phương pháp so sánh. Sử dụng phương pháp so sánh trước hết phải nắm được 3 nguyên tắc chung của phương pháp so sánh, như sau:

- Lựa chọn tiêu chuẩn để so sánh: tiêu chuẩn so sánh ở đây được chọn làm căn cứ so sánh (kỳ gốc để so sánh). Tùy theo yêu cầu của nghiên cứu mà lựa chọn cho thích hợp với mục tiêu cần so sánh.

- Điều kiện so sánh được: điều kiện có thể so sánh được giữa các chỉ tiêu kinh tế (giữa các khoản mục trên báo cáo kế toán) phải được quan tâm cả về thời gian lẫn không gian. Về thời gian, nghĩa là các chỉ tiêu kinh tế cùng được tính trong một kỳ thời gian, cùng phản ánh một nội dung kinh tế, cùng phương pháp tính và cùng đơn vị đo lường. Về không gian, các chỉ tiêu cần được quy đổi về cùng quy mô và điều kiện hoạt động chỉ có như vậy các chỉ tiêu so sánh được mới có ý nghĩa.

- Mục tiêu so sánh: để đáp ứng các mục tiêu sử dụng của các chỉ tiêu so sánh, quá trình so sánh giữa các chỉ tiêu biểu hiện dưới 3 hình thái: số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân.

Quá trình phân tích bằng phương pháp so sánh có thể được thực hiện theo 3 hình thức sau:

- So sánh theo chiều dọc: là quá trình so sánh nhằm xác định các tỷ lệ, quan hệ tương quan giữa các chỉ tiêu (khoản mục) trên báo cáo tài chính trong từng kỳ, còn được gọi là phân tích theo chiều dọc (cùng cột trên báo cáo).

- So sánh theo chiều ngang: là quá trình so sánh nhằm xác định các tỷ lệ và các chiều hướng biến động trên báo cáo tài chính của các kỳ khác nhau, còn được gọi là phân tích theo chiều ngang (cùng hàng trên báo cáo).

- So sánh xác định xu hướng và tính liên hệ của các chỉ tiêu: các chỉ tiêu riêng biệt, hay các chỉ tiêu tổng cộng trên báo cáo tài chính được xem xét trong mối quan hệ với chỉ tiêu phản ánh quy mô chung, và có thể được xem xét qua nhiều kỳ (có thể từ 3 đến 5 năm hoặc hơn) để cho ta thấy rõ xu hướng phát triển của hiện tượng nghiên cứu. Cách so sánh này có ý nghĩa hơn là so sánh với số trung bình ngành kinh doanh.

Ngoài việc so sánh nhằm đánh giá tình hình nội tại của doanh nghiệp như ở trên, cũng cần so sánh với các chỉ tiêu của các đơn vị tiên tiến trong cùng ngành nhằm xác định vị trí của doanh nghiệp ở trong nước, khu vực và quốc tế.

Tóm lại: Khi tính các chỉ tiêu, cần quan tâm đến 4 vấn đề sau:

- Ý nghĩa của chỉ tiêu (tỷ suất)
- Tài liệu sử dụng để tính chỉ tiêu (chỉ rõ nguồn tài liệu)
- Đối tượng quan tâm đến chỉ tiêu (ai quan tâm)
- Mối liên hệ của chỉ tiêu với các chỉ tiêu khác.

Tài liệu chủ yếu sử dụng trong quá trình phân tích HĐTC doanh nghiệp là các báo cáo kế toán của kế toán tài chính, lập theo định kỳ quy định, cụ thể gồm 4 báo cáo sau:

- Bảng cân đối kế toán (CĐKT) - mẫu B.01 - DN
- Bảng báo cáo kết quả HĐKD - mẫu B. 02 - DN
- Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ - mẫu B 03 - DN
- Bảng thuyết minh báo cáo tài chính - mẫu B09 - DN

Ngoài tài liệu chủ yếu trên, quá trình phân tích còn cần các tài liệu có liên quan đến tình hình hoạt động tài chính ở doanh nghiệp.

đi tất cả các khoản giảm trừ (mã số 10 trên báo cáo KQHĐKD).

* Ý nghĩa của chỉ tiêu (lợi tức/tài sản)

Là một chỉ tiêu phản ánh khái quát toàn bộ kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp, nhấn mạnh vào 3 ý nghĩa sau:

- Một là cho phép liên kết các con số cuối cùng của 2 báo cáo tài chính quan trọng, là chỉ tiêu lợi tức thuần của báo cáo KQHĐKD với chỉ tiêu tài sản của bảng CĐKT.

- Hai là, chỉ tiêu này kết hợp 3 yếu tố cơ bản mà nhờ đó các nhà quản trị có thể tìm ra các biện pháp tác động để nâng cao quá trình sinh lời.

Ta biết rằng lợi tức (LT) là kết quả chênh lệch của doanh thu trừ đi chi phí hoạt động ($LT = DT - CF$) nên ta



2. Nội dung của các phương pháp phân tích

2.1. Đánh giá tổng quát tình hình tài chính doanh nghiệp

Có nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau nhằm đánh giá tình hình hoạt động tài chính doanh nghiệp. Theo tôi, để thấy được bức tranh toàn cảnh về tài chính doanh nghiệp, trước hết ta phải xem xét tổng quát chung. Quá trình này được kết hợp nhiều bảng báo cáo HĐTC, tôi sử dụng chỉ tiêu phân tích tổng quát dưới đây:

$$\text{Tàisảnvốn(TS)} = \frac{\text{Lợitức(LT)}}{\text{Doanhthuthuần(DT)}} \times \frac{\text{Doanhthuthuần(DT)}}{\text{Tàisảnvốn(TS)}}$$

* Các chỉ tiêu cơ cấu lựa chọn (LT/TS)

- Lợi tức ở đây có thể là lợi tức thuần của hoạt động kinh doanh (mã số 30 trên báo cáo KQHĐKD), hoặc lợi tức trước thuế (mã số 60 trên báo cáo KQHĐKD) hoặc lợi tức gộp (mã số 20 trên báo cáo KQHĐKD)...tùy theo mục đích phân tích.

- Tài sản vốn ở đây có thể là nguồn vốn quỹ (mã số 410 trên bảng CĐKT) hoặc chỉ riêng phần vốn nhà nước cấp (hoặc vốn góp của cổ đông) hoặc toàn bộ tài sản vốn (mã số 430 trên bảng CĐKT). Tài sản vốn cần xác định là tài sản bình quân của kỳ để có đủ tính đại diện chung cho vốn hoạt động trong kỳ.

- Doanh thu thuần là tổng doanh thu sau khi đã trừ

có thể trình bày chỉ tiêu trên thành:

$$\frac{LT}{TS} = \frac{DT - CF}{DT} \times \frac{DT}{TS}$$

Như vậy quá trình sinh lời có thể được cải thiện bằng nhiều biện pháp. Trong điều kiện cho phép có thể thay đổi các yếu tố tài sản, doanh thu và chi phí. Căn cứ vào chỉ tiêu LT/TS và tùy theo đặc điểm riêng của từng doanh nghiệp mà xây dựng phương hướng và hành động để làm tăng lợi tức của mình.

- Ba là, chỉ tiêu LT/TS nhấn mạnh vào 3 vấn đề cần đánh giá ngay từ đầu của quá trình phân tích, cụ thể là:

- + Tài sản phản ánh quy mô vốn của doanh nghiệp
- + Doanh thu phản ánh quy mô và tính năng động
- + Lợi tức phản ánh tính hiệu quả và quá trình sinh lời

2.2. Trình tự quá trình phân tích hoạt động tài chính

Sau khi tiếp cận phân tích khái quát tình hình tài chính qua chỉ tiêu trên, ta có thể thực hiện tuần tự quá trình phân tích. Trước hết cần chú ý là trong quá trình phân tích một tình huống cần giới hạn việc nghiên cứu ở những điều quan trọng, tức là xem xét một số tỷ suất hay tỷ số chủ yếu, đồng thời phải xây dựng được mối liên hệ giữa các tỷ suất với các kết luận, với các vấn đề, các nghi vấn liên quan cần phải xử lý. Trình tự phân tích đi từ khái quát đến cụ thể và cố gắng đơn giản các quá trình tính toán không cần thiết.

Trình tự phân tích HĐTC được đề nghị trong bảng dưới đây

STT	Trình tự phân tích	Tính chất phản ánh
1	Tài sản (CĐKT)	Quy mô vốn hoạt động của doanh nghiệp
2	Doanh thu (KQHĐKD)	Quy mô và tính năng động
3	Các tỷ suất (hệ số) tài chính	
	- Lợi nhuận	Hiệu quả và quá trình sinh lời của HĐKD
	- Kết cấu chung	Tình hình đầu tư và cơ cấu vốn hoạt động
	- Khả năng vay nợ	Tình hình và khả năng thanh toán
	- Thu nhập vốn cổ phiếu	Tình hình và thu nhập vốn cổ đông

Quá trình phân tích được đề nghị ở bảng trên, việc đầu tiên là đánh giá khái quát qua các báo cáo kế toán tài chính. Sau đó đánh giá riêng từng báo cáo, tiếp sau phân tích các tỷ suất nhằm làm cho các báo cáo biết nói, các tỷ suất khẳng định những nhận thức giúp các nhà phân tích có thể cảm nhận được và qua chúng đi đến những kết luận cuối cùng về tình hình tài chính doanh nghiệp khi kết hợp các tỷ suất đó với các thông tin khác.

3. Đánh giá hoạt động tài chính qua bảng CĐKT

Bảng CĐKT là sự ghi chép lại cơ cấu tài chính của một doanh nghiệp. Nó trình bày và phản ánh các nội dung:

- Doanh nghiệp đang sở hữu các loại tài sản gì? (tài sản)
- Doanh nghiệp có trách nhiệm với các khoản nợ nào? (nợ phải trả)
- Giá trị tài sản còn lại của doanh nghiệp (vốn chủ sở hữu)

Các nội dung này được phản ánh qua phương trình kế toán sau:

Tài sản = công nợ + giá trị tài sản thuần

Bảng CĐKT là một bức tranh tĩnh, là hình ảnh về cơ cấu tài chính của doanh nghiệp nào soạn thảo nó.

Quá trình phân tích đánh giá khái quát bảng CĐKT có thể được thực hiện theo 3 hình thức: phân tích theo chiều ngang, phân tích theo chiều dọc và phân tích xu hướng và mối quan hệ.

- Phân tích theo chiều ngang (tính số chênh lệch cuối kỳ so với đầu kỳ) nhằm phản ánh biến động tăng giảm của từng chỉ tiêu trên bảng CĐKT giữa cuối kỳ với đầu kỳ (cả về số tuyệt đối lẫn số tương đối)

- Phân tích theo chiều dọc (so sánh theo quy mô chung): phân tích theo chiều ngang chỉ phản ánh biến động của các khoản mục, chưa làm nổi bật mối quan hệ giữa các khoản mục trong tổng số tài sản. Do vậy, để làm nổi bật mối quan hệ này phải tiến hành phân tích theo chiều dọc. Nghĩa là tất cả các khoản mục (chỉ tiêu) được đem so sánh với tổng số tài sản hoặc tổng nguồn vốn để xác định tỷ lệ kết cấu của từng khoản mục trong tổng số. Qua đó, có thể đánh giá biến động so với quy mô chung giữa cuối kỳ so với đầu kỳ.

- Phân tích tình hình xu hướng và mối liên hệ: ngoài việc phân tích theo chiều ngang và chiều dọc như trên, phân tích đánh giá HĐTC qua bảng CĐKT còn cần được nghiên cứu qua nhiều kỳ (năm) và đặt các chỉ tiêu quan trọng trong mối liên hệ với các chỉ tiêu khác để làm nổi bật biến động về quy mô tài sản cũng như biến động về tình hình tài chính doanh nghiệp. Có thể trình bày tình hình biến động theo nguồn hình thành (nguồn vốn) và nguồn sử dụng (tài sản) căn cứ theo 2 nhóm tác động bên trong và bên ngoài doanh nghiệp như sơ đồ bên cạnh:

Ta có thể nghiên cứu qua sơ đồ trên, giúp doanh nghiệp xem xét đưa ra quyết định thay thế, hay mở rộng nhằm đánh giá quá trình quản lý tài chính và là căn cứ đề nghị phương hướng cho HĐTC trong tương lai.

4. Đánh giá HĐTC qua báo cáo KQHĐKD

Báo cáo KQHĐKD là sự ghi chép lại quá trình thực hiện tài chính của doanh nghiệp (mục tiêu xác định lãi lỗ) trong từng kỳ. Nói một cách tổng quát, báo cáo KQHĐKD ghi chép tất cả các khoản thu trong kỳ và trừ đi tất cả các khoản phí tổn của kỳ đó để tính kết quả HĐKD của kỳ. Nếu tổng chi lớn hơn tổng thu, kết quả HĐKD là lỗ, ngược lại là lãi. Mối quan hệ này được phản ánh qua phương trình sau:

$$\begin{aligned} \text{Kết quả KĐKD} &= \text{Doanh thu (DT)} - \text{chi phí (CF)} \\ \text{nếu } DT < CF &\rightarrow \text{kết quả HĐKD lỗ} \\ \text{DT} > CF &\rightarrow \text{kết quả HĐKD lãi} \end{aligned}$$

Quá trình phân tích khái quát HĐTC qua báo cáo KQHĐKD được thực hiện ở phân tích qua bảng CĐKT, như sau:

- Phân tích theo chiều ngang (tính số chênh lệch năm nay so với năm trước) nhằm phản ánh chênh lệch tăng giảm của các chỉ tiêu năm nay so với năm trước (cả số tuyệt đối lẫn số tương đối).

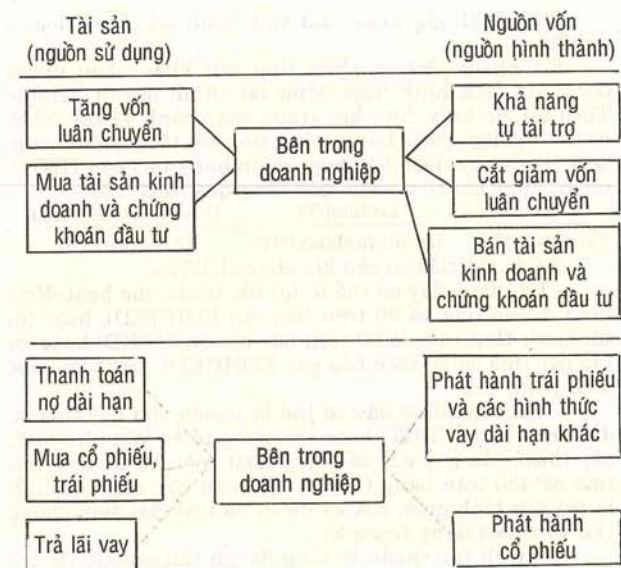
- Phân tích theo chiều dọc (so sánh theo quy mô chung): ở đây, doanh thu thuần được lấy làm căn cứ quy mô chung, các chỉ tiêu trên báo cáo được xác định kết cấu theo quy mô chung này là 1 công cụ hữu ích, làm nổi bật giá trị của thông tin, căn cứ vào đó có thể kết luận tính hiệu quả hay không hiệu quả các chỉ tiêu.

- Phân tích tính xu hướng và mối liên hệ

Quá trình phân tích tính xu hướng và mối quan hệ giữa các chỉ tiêu trên báo cáo KQHĐKD nhằm đánh giá tốc độ tăng trưởng, nhấn mạnh đến việc các biến động xảy ra từ kỳ này qua kỳ khác. Kết quả tính được thường được biểu hiện bằng số % ở một số chỉ tiêu chủ yếu (doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và lợi tức) qua nhiều năm. Kết quả phân tích làm nổi bật một chuỗi các kết quả phân tích xu hướng trong mối liên hệ giữa các chỉ tiêu nghiên cứu, qua đó ta sẽ thấy được tính năng động của kết quả HĐKD ở doanh nghiệp.

5. Phân tích các tỷ suất tài chính

Quá trình phân tích các tỷ suất tài chính cũng là sự kết hợp phân tích các tài liệu trên các báo cáo kế toán



tài chính. Các tỷ suất được xác định là kết quả của phép chia giữa 2 chỉ tiêu với nhau và thường được biểu hiện bằng tỷ lệ %. Tuy nhiên chúng chỉ có ý nghĩa giới hạn trong phân tích nếu xem xét riêng biệt từng tỷ suất. Khi phân tích khái quát các báo cáo, chúng ta đã xác định một số tỷ suất. Nhưng quá trình phân tích ở đây ta sắp xếp lại các nhóm tỷ suất cùng phản ánh một số mặt hoạt động tài chính hoặc cần cho một số đối tượng sử dụng khác nhau. Do vậy, các tỷ suất tài chính được phân thành 4 loại sau:

5.1. Tỷ suất phản ánh hiệu quả sinh lời của HĐKD

Các tỷ suất phản ánh hiệu quả và quá trình sinh lời của HĐKD luôn luôn được các nhà quản trị kinh doanh, các nhà đầu tư, các nhà phân tích quan tâm, vì chúng là cơ sở quan trọng để đánh giá HĐKD cũng như để so sánh hiệu quả sử dụng vốn và mức lãi của doanh nghiệp. Bao gồm các loại tỷ suất sau:

- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu (LT/TS)
- Tỷ suất lợi nhuận/vốn kinh doanh (LT/V)
- Hệ số quay vòng tài sản (DT/TS)

5.2. Tỷ suất phản ánh tình hình và khả năng thanh toán

Đây là nhóm tỷ suất thường được các nhà cho vay quan tâm nhiều cũng như các nhà kinh doanh vì họ phải thấy được tình hình và khả năng thanh toán của họ để chuẩn bị các nguồn vốn thanh toán chúng. Các tỷ suất được đề nghị như sau:

- Tỷ suất thanh toán ngắn hạn

$$K = \frac{\text{TSLĐ}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

- Tỷ suất thanh toán nhanh

$$(\text{KN}) \text{ KN} = \frac{\text{Tiền} + \text{Đầu tư ngắn hạn} + \text{Khoản phải thu}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

- Hệ số quay vòng các khoản phải thu

$$H = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Số dư bình quân khoản phải thu}}$$

- Ngày của kỳ phân tích x

$$N = \frac{\text{Các khoản phải thu}}{\text{Doanh thu}}$$

- Hệ số quay vòng của hàng tồn kho

$$H_k = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

- Số ngày của 1 vòng quay kho hàng

$$N = \frac{\text{Số ngày của kỳ phân tích}}{H_k}$$

5.3. Tỷ suất phản ánh tình hình đầu tư và cơ cấu vốn kinh doanh

Nhóm tỷ suất phản ánh tình hình đầu tư và cơ cấu vốn kinh doanh thường được các nhà đầu tư, các nhà cho vay dài hạn quan tâm, mục tiêu là để xem xét tính rủi ro của việc đầu tư dài hạn, gồm các tỷ suất sau:

- Tỷ suất nợ và tỷ suất tự tài trợ

$$\text{Tỷ suất Nợ} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Nguồn vốn}}$$

- Tỷ suất đầu tư

$$\text{Tỷ suất đầu tư} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Nguồn vốn}}$$

- Tỷ suất tự tài trợ TSCĐ

$$\text{Tỷ suất tự tài trợ TSCĐ} = \frac{\text{Tài sản cố định}}{\text{Tổng tài sản}}$$

- Tỷ suất tài sản thế chấp

$$\text{Tỷ suất tài sản thế chấp} = \frac{\text{Tỷ suất tự tài trợ TSCĐ}}{\text{Giá trị tài sản đem thế chấp}}$$

- Số lần tạo ra tiền lãi nợ vay

$$\text{Số lần tạo ra tiền lãi nợ vay} = \frac{\text{Lợi tức thuần}}{\text{Lãi nợ vay}}$$

5.4. Tỷ suất phản ánh thu nhập cổ phiếu thường

Nhóm tỷ suất phản ánh thu nhập cổ phiếu thường được các cổ đông và các nhà đầu tư chứng khoán quan tâm vì mục tiêu công việc đầu tư của họ. Gồm các tỷ suất sau:

- Tỷ suất thu nhập vốn cổ đông

$$\text{Tỷ suất thu nhập vốn cổ đông} = \frac{\text{Lợi tức sau thuế}}{\text{Vốn cổ đông bình quân}}$$

- Tỷ giá thị trường của mỗi cổ phiếu thường

$$\text{Tỷ giá thị trường của mỗi cổ phiếu thường} = \frac{\text{Giá thị của 1 cổ phiếu thường}}{\text{Thu nhập của 1 cổ phiếu thường}}$$

- Thu nhập của mỗi cổ phiếu thường

$$\text{Thu nhập của mỗi cổ phiếu thường} = \frac{\text{Lợi tức sau thuế - cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu thường}}$$

- Tỷ suất lợi tức cổ phiếu

$$\text{Tỷ suất lợi tức cổ phiếu} = \frac{\text{Tỷ suất chi trả lãi cổ phiếu}}{\text{Tiền lãi của 1 cổ phiếu}}$$

- Tỷ suất chi trả lãi cổ phiếu

$$\text{Tỷ suất chi trả lãi cổ phiếu} = \frac{\text{Thu nhập của 1 cổ phiếu}}{\text{Tiền lãi của 1 cổ phiếu}}$$

- Tỷ suất sinh lãi cổ phiếu

$$\text{Tỷ suất sinh lãi cổ phiếu} = \frac{\text{Tiền lãi của 1 cổ phiếu}}{\text{Giá trị thị trường của 1 cổ phiếu}}$$

